

Số: /KH-NTN Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày - Năm học 2025 – 2026

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCHs

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 06 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép sáp nhập trường Tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học Phổ thông Tư thục Ngô Thời Nhiệm thành trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm;

Căn cứ quyết định số 287-8/QĐ-GDDT-TC ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép hoạt động giáo dục Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm

Căn cứ công văn số 2174/GDDT-GDPT ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn dạy học 2 buổi/ ngày từ năm học 2025-2026;

Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học 2025 – 2026 của nhà trường;

Căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên của trường trong năm học 2025 – 2026. Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm xây dựng kế hoạch dạy 2 buổi/ ngày. Nội dung cụ thể như sau:

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi và khó khăn

a. Thuận lợi

Hệ thống chính trị của nhà trường hoàn chỉnh ngay từ khi thành lập trường. Có sự phối hợp đồng bộ giữa HĐQT, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể. Trường đã có bề dày thành tích 28 năm, được cha mẹ học sinh và xã hội tin tưởng là một thế mạnh của nhà trường.

HĐQT và đội ngũ CBQL, GV đang nhận thức được những thay đổi hiện nay của đất nước nói chung và đổi mới giáo dục nói riêng. Đang tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu của ngành và xã hội; nhiều giáo viên gắn bó lâu năm với nhà trường. Giáo viên luôn có ý thức học tập nâng chuẩn của giáo viên, tích cực tham gia các hoạt động của trường. Đội ngũ giáo viên cơ hữu đạt 95% nên thuận lợi trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

Đổi mới giáo dục đang đà phát triển mạnh tạo điều kiện để tập thể sư phạm nhà trường phát triển tư duy sáng tạo, tiếp cận phương pháp và nội dung giáo dục mới phù

hợp với thực tiễn xã hội và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

b. Khó khăn

- Nhìn chung, học sinh của trường có năng lực không đồng đều, còn có nhiều học sinh yếu về học lực và chưa ngoan về hạnh kiểm.

- Học sinh của trường đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó có một số bộ phận phụ huynh còn lo làm ăn, hoàn cảnh gia đình chưa quan tâm nhiều đến con em, phó mặc cho nhà trường quản lý và dạy dỗ.

2 Tình hình đội ngũ:

- Cán bộ quản lý: 05 người

2.1. Đội ngũ giáo viên

STT	Tổ bộ môn	Thành phố Hồ Chí Minh								
		Giáo viên		Đảng viên	Số giáo viên					
		Tổng	Nữ		GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	Trình độ CM			
							Trên Đại học	Đại học	CD	Khác
1	Toán	26	17	7	26		9	17		
2	Ngữ văn	22	16	3	22		7	15		
3	Tiếng anh	27	20	2	27		2	25		
4	Vật lý	11	9	2	10	1	5	6		
5	Hóa học	8	5	2	8		3	5		
6	Sinh học	4	4	3	4		2	2		
7	Lịch sử	9	4	2	9		2	7		
8	Địa lý	7	3	3	7			7		
9	GDCD	4	3	1	4		3	1		
10	Công nghệ	2			2			2		
11	Tin học	11	4	3	11		3	8		
12	Thể dục	11	1		11		4	7		
13	Âm nhạc	6	2	1	6			6		
14	Mĩ Thuật	4	2		3	1	1	3		
15	Quốc Phòng	2		2	2			2		
16	Tiểu học	46	43	8	46		6	40		
17	Giáo viên nước ngoài	2			2			2		
18	GV liên kết ĐH UEF	7				7		7		
	Tổng cộng	209	133	39	200	9	47	162	0	0

2.2. Cán bộ - Nhân viên:

STT	Tổ bộ phận	Thành phố Hồ Chí Minh								
		Số lượng		Đảng viên	Số nhân viên					
		Tổng	Nữ		NV cơ hữu	Thỉnh giảng	Trình độ CM			
Trên Đại học	Đại học			CD			Khác			
1	Ban lãnh đạo	5		2	5		3	2		
2	CB QL khác	3	1	1	3		1	2		
3	TLTN	1		1	1				1	
4	Giám thị - nội trú	19	5	6	19		1	15	3	
5	Kế toán	7	7	1	7			3	2	2
6	Thủ Quỹ	2	2	1	2					2
7	Thư viện	2	2		2			2		
8	Giáo vụ	7	6	2	7			7		
9	Bảo mẫu	5	5	1	5					5
10	Y tế	4	3		4			1		3
11	Bảo vệ	18		3	18					18
12	Lái xe	10			10					10
13	Phục vụ	28	26		28					28
14	Sửa chữa-hồ bơi	7		1	7			3		4
15	IT	5			5			3	1	1
16	Nhân viên khoán việc (Nhà ăn, lái xe, Vệ sinh,...)	85	37			85				85
	Tổng cộng	208	94	19	123	85	5	38	7	158

2.3. Học sinh

Khối lớp	Số lớp	Học sinh			Số TB HS/lớp	Số HS lưu ban
		Tổng số	Nữ	Dân tộc		
1	10	338	160	12	33,80	
2	9	290	152	12	32,22	
3	9	299	157	15	33,22	
4	9	278	131	11	30,89	
5	7	232	108	10	33,14	
TiH	44	1437	708	60	32,66	
6	7	236	100	18	33,71	
7	8	298	133	14	37,25	
8	11	379	162	18	34,45	
9	9	333	145	18	37,00	

Khối lớp	Số lớp	Học sinh			Số TB HS/lớp	Số HS lưu ban
		Tổng số	Nữ	Dân tộc		
THCS	35	1246	540	68	35,6	
10	12	399	161	15	33,25	3
11	20	751	327	16	37,55	1
12	22	751	327	16	34,14	
THPT	54	1901	815	47	35,20	4
Tổng	133	4584	2063	175	34,47	4

3. Cơ sở vật chất

3.1. Cơ sở tại Phường Phước Long

- Có 84 phòng học (18 phòng học tiểu học, 20 phòng học khối THCS, 46 phòng khối THPT)

- Phòng nội trú có 42 phòng.

+ Phòng thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm Vật lý – Công nghệ: 01 phòng, diện tích 60m²

- Phòng thí nghiệm Vật lý: 01 phòng, diện tích 55m²

- Phòng thí nghiệm Hóa: 01 phòng, diện tích 50m²

- Phòng thí nghiệm Hóa - Sinh: 01 phòng, diện tích 50m²

- Phòng Công nghệ: 01 phòng, diện tích 50m²

- Phòng Âm nhạc: 02 phòng, diện tích 50m²

- Phòng Mỹ thuật: 01 phòng, diện tích 50m²

+ Khu phục vụ học tập:

- Sân đa năng: 02 sân, diện tích 750m²:

- Thư viện: thư viện rộng 80m², được trang bị đủ tài liệu sách vở.

- Phòng hoạt động Đoàn, Đội: 01 phòng, 30 m²

+ Khối hành chính quản trị:

- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng, diện tích 24m²

- Phòng Phó hiệu trưởng: 02 phòng, 24m²/phòng

- Văn phòng: 01 phòng, diện tích 60m²/phòng

- Phòng giáo viên: 01 phòng; trong đó 01 diện tích 60m²;

- Phòng y tế học đường: 01 phòng, diện tích 40 m²/phòng

- Kho: 04 phòng kho, diện tích 24m²/phòng

- Phòng thường trực, bảo vệ: 01 phòng, diện tích 20m²/phòng.

- Khu vực sảnh giải trí (xem tivi): 06

+ Khu sân chơi, bãi tập phục vụ giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng:

- Sân đa năng: 02 sân, diện tích 750m²
- Khu vực sân trường để tập thể thao: 01 sân, tổng diện tích 4000m²
- Hồ bơi: 02 diện tích 600m²/hồ.

3.2. Cơ sở tại Phường An Lạc

+ Diện tích: Khu đất có tổng diện tích 15.232,4m²,

+ Khối phòng hành chính quản trị

- Phòng Hội đồng quản trị 01 phòng, diện tích 32m²
- Phòng Hiệu trưởng: 01 phòng, diện tích 32m²
- Phòng phó Hiệu trưởng: 02 phòng, diện tích 32m²
- Văn phòng: 02 phòng, diện tích 60m²/phòng
- Phòng giáo viên: 01 phòng, diện tích 70m²
- Phòng thường trực (bảo vệ): 20m²
- Khu nhà vệ sinh giáo viên: 05 (tổng diện tích 48m²)
- Khu để xe CB, GV, NV: 200m²

+ **Khối phòng học tập:** Phòng học: 75 phòng, diện tích 56 m²/ phòng

- Phòng học TiH: 25 phòng; THCS: 20 phòng; THPT: 30 phòng
- Phòng bộ môn Tin học: 04 phòng, diện tích 56m²
- Phòng bộ môn âm nhạc: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng bộ môn Mĩ thuật: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng bộ môn ngoại ngữ: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng đa chức năng: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng học bộ môn Vật lý: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng học bộ môn Hóa: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng học bộ môn Sinh: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng học bộ môn Công nghệ: 01 phòng, diện tích 56m²
- Phòng bộ môn Khoa học – Xã hội: 02 phòng, diện tích 56m²/phòng

+ Khối phòng hỗ trợ học tập

- Phòng truyền thống: 01 phòng, diện tích 90m²
- Phòng đoàn thanh niên, đội thiếu niên: 01 phòng, diện tích 40m²
- Phòng giám thị: 01 phòng, diện tích 32m²
- Phòng tư vấn: 01 phòng, diện tích 24m²
- Phòng thiết bị giáo dục: 02 phòng. Diện tích 24m²/phòng
- Thư viện: diện tích 140 m²
- Kho thiết bị: 2 phòng, diện tích 40m²/phòng
- Phòng tư vấn: 01 phòng, diện tích 24m² (dùng chung khối THPT)

+ **Khối phụ trợ:** Sử dụng chung khối phổ thông

- Phòng y tế học đường: 01, diện tích 60 m²
- Phòng họp: 02 phòng. Tổng diện tích 80m²
- Hội trường: 02 hội trường; 01 hội trường 250 chỗ, 01 hội trường 680 chỗ
- Nhà kho: 03 phòng, diện tích 30m²/phòng
- Khu để xe học sinh: 300m²
- Khu nhà vệ sinh học sinh: 16 khu vực (tổng diện tích 240m²)

+ **Khu sân chơi, thể dục thể thao**

- Sân chơi cho học sinh: 3000m², tổ chức các hoạt động tập thể.
- Nhà thể thao đa năng: 800m²
- Hồ bơi :385 m²
- Sân bóng đá mini 01; sân bóng rổ 01/

+ **Khối phục vụ sinh hoạt**

- 01 nhà bếp: 300 m² (Bếp ăn một chiều)
- Kho nhà bếp: 02 phòng, diện tích 16m²/phòng
- Khu nhà ăn: 3.000m²
- Phòng sinh hoạt nội trú: 32 phòng, diện tích 54m²/phòng

II. KẾ HOẠCH DẠY 2 BUỔI/NGÀY.

1. Mục đích của việc dạy 2 buổi/ngày

-Việc dạy học 2 buổi/ngày ở trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh trong việc quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Chương trình 2 buổi thực hiện theo quy chế tăng tiết đối với một số môn học phù hợp để ôn tập, phụ đạo học sinh có kết quả học tập chưa đạt, bồi dưỡng học sinh giỏi, đồng thời dạy chuyên đề, dạy kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức hoạt động các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ đội nhóm năng khiếu, sở thích... của học sinh.

- Về tổ chức thời khóa biểu 2 buổi phân bố linh hoạt, khoa học để đạt mục tiêu giáo dục.

2. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

- Nhiều năm nay trường trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày để đáp ứng nhu cầu cho cha mẹ học sinh cho con em tham gia học tập cả ngày để thuận tiện quản lý, đưa đón.

- Công tác tổ chức học 2 buổi được tổ chức từ thứ 2 đến thứ 6, thứ 7 học 4 tiết buổi sáng

- Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục được giao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Trường có số lượng giáo viên đảm bảo về số lượng và chất lượng theo quy định

- Về cơ sở vật chất: nhà trường đủ phòng thông thường, phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập đáp ứng cho các hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục khác

- Về học phí: Nhà trường công khai, thông báo rộng rãi cho CMHS về các khoản học phí, tiền ăn từ đầu năm học.

3. Nội dung dạy 2 buổi/ ngày

3.1. Đối tượng học, thời gian

- Đối tượng là học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 trong toàn trường.

- Thời gian học theo kế hoạch biên chế thời gian năm học quy định.

- Thời gian học khối Tiểu học:

+ Học 2 buổi từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng học 4 tiết, buổi chiều học 3 tiết.

+ Thời lượng tiết học: 35 phút/1 tiết.

+ Số tiết các bộ môn được trải đều 2 buổi, gồm dạy lý thuyết, thực hành, ôn tập. Giờ học sáng từ 7g30 đến 10g50; buổi chiều từ 14g00 đến 15g45.

- Thời gian học khối THCS và THPT:

+ Khối THCS học 2 buổi từ thứ Hai đến thứ Sáu. Buổi sáng học 4 tiết, buổi chiều học 3 tiết.

+ Khối THPT học 2 buổi từ thứ Hai đến thứ Sáu; buổi sáng học 4 tiết, buổi chiều học 3 tiết. Thứ 7 học 01 buổi, 4 tiết (buổi sáng)

+ Thời lượng tiết học: 45phút/1 tiết.

- Phân phối số tiết: Thực hiện theo TKB và số tiết các bộ môn ở các khối lớp được trải đều 2 buổi, không phân biệt buổi 1 là buổi sáng và buổi 2 là buổi chiều, phân phối số tiết các môn cụ thể như sau:

2. Khối THCS

Lớp	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	GDCD	Lịch sử & Địa lí	KHTN	Công nghệ	Tin Học	GDTC	Nghệ thuật		Hoạt động trải nghiệm	Nội dung GDDP	Tổng cộng
										Nhạc	MT			
6	4+2	4+2	3+2	1	3	4	1	1	2	1	1	3	1	35
7	4+2	4+2	3+2	1	3	4	1	1	2	1	1	3	1	35
8	4+2	4+2	3+2	1	3	4	1	1	2	1	1	3	1	35
	2													
9	4+1	4+2	3+2	1	3	4	2	1	2	1	1	3	1	35
	4+2						1							

3. Khối THPT

a) Khối 10

Nhóm	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				CD học tập			CLB Tự Chọn
	Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GDDP	Lịch Sử	HDTN								
KHTN 1	3 + 2	3 + 2	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Hóa	Sinh	Nhạc	Tin	Toán	Hóa	Sinh	3
							2		2	2	2	1	1	1		
KHTN 2	3 + 2	3 + 2	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa	3
							2		2	2	2	1	1	1		
KHTN 3	3 + 2	3 + 2	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa	3
							2		2	2	2	1	1	1		
KHTN 4	3 + 2	3 + 2	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Hóa	3
							2		2	2	2	1	1	1		
KHTN 5	3 + 2	3 + 2	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Lý	CN	MT	Tin	Toán	Lý	Tin	3
							2		2	2	2	1	1	1		
KHXH 1	3 + 1	3 + 3	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa	3
							2		2+1	2+1	2	2+1	1	1	1	
KHXH 2	3 + 1	3 + 3	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	KT&PL	Địa	3
							2		2+1	2+1	2	2+1	1	1	1	
KHXH 3	3 + 1	3 + 3	3 + 3	2	1	1	1+1	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	KT&PL	Địa	3
							2		2+1	2+1	2	2+1	1	1	1	

b) Khối 11 (tổ hợp môn học không đổi so với năm học 2024 – 2025)

Nhóm	Môn chọn thi TN	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				CD học tập		
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
KHTN 1	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 3				2		2	2+2	2	1	1	1	
	Hóa, Sinh	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 2				2		2+2	2	2	1	1	1	
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 2				2		2+2	2	2+2	2	1	1	1
	Hóa, Anh	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 3				2		2+2	2	2	2	1	1	1
KHTN 2	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 3				2		2+2	2	2	2	1	1	1
	Hóa, Anh	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 3				2		2	2+2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 2				2		2+2	2	2	1	1	1	
KHTN 3	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 3				2		2+2	2	2	1	1	1	
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 2				2		2+2	2	2	1	1	1	
		3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa

Nhóm	Môn chọn thi TN Hóa, Anh	Môn bắt buộc							Nhóm môn học lựa chọn				CD học tập			
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN							
				3 + 3				2		2	2+2	2	2	1	1	1
KHTN 4	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Tin
				3 + 3				2		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Tin
								2		2 + 2	2 + 2	2	2	1	1	1
	Lý, CN	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Tin
								2		2 + 2	2	2 + 2	2 + 1	2	1	1
KHTN 5	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 4	2	1	1	1	3	Lý	CN	Nhạc	Tin	Toán	CN	Tin
				3 + 3				2		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Lý, CN	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	CN	Nhạc	Tin	Toán	CN	Tin
								2		2 + 3		2	2	1	1	1
	Lý, Tin	3 + 3	3 + 2	3 + 2	2	1	1	1	3	Lý	CN	Nhạc	Tin	Toán	CN	Tin
								2		2 + 2	2	2	2 + 2	1	1	1
								1 + 2	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
								2 + 1		2 + 2	2	2	2	1	1	1
KHXX 1	Anh, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 4	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
				3 + 3				2		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Địa, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 2	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
								2		2 + 2	2 + 2	2	2	1	1	1
2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	2 + 1	
Anh,	3 + 2	3 + 3	3 + 4	2	1	1	1	1	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa

Nhóm	Môn chọn thi TN KT&PL	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				CD học tập		
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN							
				3 + 3				2		2	2+2	2	2	1	1	1
KHXH 2	Sử, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 2	2	1	1	1+3	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	KT&PL	Địa
								2+2		2+1	2	2	2	1	1	1
	Anh, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 4	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	KT&PL	Địa
				3 + 3				2		2+2	2	2	2	1	1	1
	Địa, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 2	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	KT&PL	Địa
								2		2+2	2+3	2	2	1	1	1
								2+1								
	Anh, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 4	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	KT&PL	Địa
3 + 3				2				2		2+2	2	2	1	1	1	
KHXH 3	Sử, Địa	3+2	3+3	3+2	2	1	1	1+3	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	KT&PL	Địa
								2+2		2+1	2	2	2	1	1	1
	Anh, Địa	3+2	3+3	3+4	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	KT&PL	Địa
				3+3				2		2+2	2	2	2	1	1	1
	Địa, KT&PL	3+2	3+3	3+2	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	KT&PL	Địa
								2		2+2	2+2	2	2	1	1	1
								2+1								
	Anh, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 4	2	1	1	1	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	KT&PL	Địa
3 + 3				2				2		2+2	2	2	1	1	1	

c) Khối 12 (tổ hợp môn học không đổi so với năm học 2024 – 2025)

Nhóm	Môn chọn thi TN	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				Chuyên đề học tập		
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN	Hóa	Sinh	Lý	Tin			
KHTN 1	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 4				1		2	2	2+2	2	1	1	1
	Hóa, Sinh	3 + 3	3 + 2	3 + 1	2	1	1	2	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 3				1		2+2	2+2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 1	2	1	1	2	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
								1		2+2	2	2+2	2+3	2	1	1
	Hóa, Anh	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Hóa	Sinh	Lý	Tin	Toán	Hóa	Sinh
				3 + 4				1		2+2	2	2	2	1	1	1
KHTN 2	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 4				1		2+2	2	2	2	1	1	1
	Hóa, Anh	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 4				1		2	2+2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 1	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	Nhạc	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 3				1		2+2	2+2	2	2	1	1	1
KHTN 3	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 4				1		2+2	2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 1	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa
				3 + 3				1		2+2	2+2	2	2	1	1	1
	Hóa, Anh	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	MT	Tin	Toán	Lý	Hóa
3 + 4				1				2		2+2	2	2	1	1	1	
KHTN	Anh,	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Hóa

Nhóm	Môn chọn thi TN	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				Chuyên đề học tập		
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN							
4	Lý			3 + 4				1		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Lý, Hóa	3 + 3	3 + 2	3 + 1	2	1	1	2	3	Lý	Hóa	CN	Tin	Toán	Lý	Hóa
	3 + 3							1		2 + 2	2 + 2	2	2	1	1	1
KHTN 5	Anh, Lý	3 + 3	3 + 2	3 + 3	2	1	1	2	3	Lý	CN	Nhạc	Tin	Toán	Lý	CN
				3 + 4				1		2 + 2	2	2	2	1	1	1
KHXH 1	Sử, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 1	2	1	1	2 + 2	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
								1 + 3		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Anh, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 3	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
				3 + 4				1		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Anh, Sử	3 + 2	3 + 3	3 + 3	2	1	1	2 + 2	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa
				3 + 4				1 + 2		2	2	2	2	1	1	1
Địa, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 1	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	Nhạc	Tin	Văn	Sử	Địa	
							1		2 + 2	2 + 2	2	2	1	1	1	
										2 + 3						
KHXH 2	Sử, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 1	2	1	1	2 + 2	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	Sử	Địa
								1 + 3		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Anh, Địa	3 + 2	3 + 3	3 + 3	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	Sử	Địa
				3 + 4				1		2 + 2	2	2	2	1	1	1
	Anh, Sử	3 + 2	3 + 3	3 + 3	2	1	1	2 + 2	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	Sử	Địa
				3 + 4				1 + 2		2	2	2	2	1	1	1
Địa, KT&PL	3 + 2	3 + 3	3 + 1	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	MT	Tin	Văn	Sử	Địa	
							1		2 + 2	2 + 2	2	2	1	1	1	
										2 + 3						
KHXH	Sử,	3 + 2	3 + 3	3 + 1	2	1	1	2 + 2	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	Sử	Địa

Nhóm	Môn chọn thi TN	Môn bắt buộc								Nhóm môn học lựa chọn				Chuyên đề học tập		
		Văn	Toán	Tiếng Anh	GD TC	GD QPAN	GD ĐP	Lịch Sử	HĐTN, HN							
3	Địa							1+3		2+2	2	2	2	1	1	1
	Anh, Địa	3 + 2	3+ 3	3+3	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	Sử	Địa
				3+4				1		2+2	2	2	2	1	1	1
	Địa, KT&PL	3 + 2	3+3	3+1	2	1	1	2	3	Địa	KT&PL	CN	Tin	Văn	Sử	Địa
								1		2+2	2+2	2	2	1	1	1
									2+2	2+3	2	2	1	1	1	

3.2. Nội dung và hình thức dạy học

- Tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày được nhà trường thực hiện như sau:

+ Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn, chuyên đề học tập ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022, Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Buổi 2:

- Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông, dạy học tự chọn theo lớp.

- Tổ chức các chuyên đề giáo dục STEM/STEAM, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ,... thông qua tiết tăng bộ môn.

- Bồi dưỡng các bộ môn nghệ thuật, năng khiếu, kỹ năng cho học sinh có nguyện vọng từ các lớp khác nhau được tổ chức dưới dạng câu lạc bộ tự chọn.

- Hoạt động dạy học và giáo dục cho từng khối lớp học trong nhà trường thực hiện theo kế hoạch chung và phân phối chương trình của từng môn học của từng năm học.

- Kế hoạch bài dạy: Giáo viên dạy học xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn phù hợp đặc điểm của môn học. Soạn đủ số tiết dạy theo quy định dạy học 2 buổi/ngày theo phân phối chương trình; giáo án soạn đảm bảo đúng nội dung theo chương trình do Tổ chuyên môn xây dựng và đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Các hoạt động giáo dục khác:

❖ *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp*

+ Nhà trường thực hiện nhiệm vụ hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo quy định của Sở GDĐT. Phân công giáo viên chủ nhiệm, BLĐ phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trường nghề tổ chức giáo dục hướng nghiệp tập trung cho học sinh từ lớp 9 và 12. Hình thức tổ chức thực hiện tập trung toàn trường 2 lần/ năm học, 1 lần 5 tiết/ học kỳ, tổ chức tại trường. Tổ chức đưa học sinh đi thực tế 2 lần/ năm học tại trường đại học, trường nghề, khu công nghệ cao TP.HCM.

+ Tổ chức và quan hệ chặt chẽ hơn với các trường đại học và các cơ sở kinh doanh để học sinh từ lớp 9 trở lên có khái niệm về ngành nghề; đưa học sinh đi một số trường đại học, cao đẳng, đơn vị kinh doanh, khu công nghệ cao để tìm đầu ra thích hợp cho học sinh sau tốt nghiệp

❖ *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*

Thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp Nhà trường chủ động linh hoạt thời gian thực hiện đầy đủ các chủ đề theo qui định trong suốt 1 năm học. Cụ thể:

+ Xây dựng các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp: tiếp tục phát huy hơn nữa các giá trị truyền thống, công tác xã hội hướng tới cộng đồng; hoạt động phong trào, đoàn thanh niên, đội thiếu niên... (đây là thế mạnh của trường cần phát huy để có chất lượng tốt hơn). Khuyến khích giáo viên và học sinh xây dựng nhiều chuyên đề, chuyên mục

hàng tuần để thực hiện tiết hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt tập thể phong phú chất lượng hơn; khuyến khích các CLB hoạt động có hiệu quả hơn.

+ Hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường: Đây là hoạt động giúp các em được trải nghiệm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống, đồng thời các em được vui chơi thoải mái, bớt căng thẳng. Tùy điều kiện thực tế, nhà trường sẽ thiết kế các chương trình phù hợp từng đối tượng học sinh theo từng khối lớp.

3.3. Các hoạt động phục vụ, dạy học và quản lý học sinh

Phát huy thế mạnh công nghệ thông tin của bộ phận giáo vụ, kế toán, bộ phận quản lý học sinh; đẩy mạnh hoạt động rèn luyện thể chất, vui chơi, chăm sóc y tế, ăn uống...

3.4. Hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động dạy học 2 buổi/ngày

Mỗi lớp đều có Sổ ghi đầu bài điện tử để theo dõi nền nếp dạy và học tại lớp theo kế hoạch. Lãnh đạo trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh.

4. Học phí 2 buổi:

Khối lớp	Học phí 2 buổi/ngày	Ghi chú
Lớp 1 đến 5	3.000.000	
Lớp 6, 7, 8	3.500.000	
Lớp 9	3.700.000	
Lớp 10	3.700.000	
Lớp 11	3.800.000	
Lớp 12	4.000.000	

Nhà trường có chính sách miễn giảm 50% học phí cho học sinh đạt danh hiệu xuất sắc; 20% cho học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp 2,3.

5. Ý kiến của CMHS về việc tổ chức học 2 buổi/ngày

Học sinh khi nhập học tại trường phải làm hồ sơ nhập học do nhà trường phát hành, có đủ các nội dung thông tin liên quan như học phí, nội quy học sinh, nội quy học sinh nội trú, lý lịch học sinh, đơn xin học của cha mẹ học sinh về nguyện vọng học bán trú (2 buổi ngày) và đều được 100% cha mẹ đồng ý (kèm đơn xin nhập học của CMHS)

Trên đây là Kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày của trường TiH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm năm học 2025-2026, được thông qua trong hội đồng sư phạm nhà trường, thông báo trong cuộc họp phụ huynh học sinh đầu năm học. Nhà trường cam kết chấp hành đúng các quy định trong quá trình tổ chức hoạt động dạy và học 2 buổi nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh và nguyện vọng của cha mẹ học sinh./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Tổ trưởng chuyên môn để thực hiện;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Tưởng Nguyên Sự